

Số: 25/2022/QĐST-HNGĐ

Thuận An, ngày 22 tháng 3 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và khoản 4 Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ vào Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ vào Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 58/2022/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 3 năm 2022 về việc Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- Người yêu cầu: NVĐ, sinh năm 1984; thường trú: 26 D9/8G khu phố ĐA3, phường BH, thành phố TA, tỉnh BD.

- Người yêu cầu: NTT, sinh năm 1986; thường trú: 26 D9/8G khu phố ĐA3, phường BH, thành phố TA, tỉnh BD

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Ông NVĐ và bà NTT tiến đến hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Nghĩa Khánh, huyện Nghĩa Đàn, tỉnh Nghệ An theo giấy chứng nhận kết hôn số 07 ngày 03/02/2006. Trong thời gian chung sống hai vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình không hợp nhau, bất đồng trong cuộc sống dẫn đến hôn nhân không hòa hợp, hai vợ chồng thường xuyên cãi vã, cuộc sống không có hạnh phúc. Đến nay cuộc sống vợ chồng trở nên ngày càng căng thẳng, mâu thuẫn giữa hai vợ chồng không thể hòa giải được. Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, ông NVĐ và bà NTT yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

[2]. Trong quá trình chung sống, ông NVĐ và bà NTT có 02 con chung tên NKL, sinh ngày 27/6/2007 và NNKD, sinh ngày 05/3/2015. Ông Đ và bà T thống nhất sau khi ly hôn bà T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung NNKD, sinh ngày 05/3/2015, ông Đ trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung NKL, sinh ngày 27/6/2007, không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

[3] Ông NVĐ và bà NTT thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung, nợ chung.

Xét thấy, mâu thuẫn giữa ông NVĐ và bà NTT là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, việc thuận tình ly hôn là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định pháp luật.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông NVĐ và bà NTT thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Sau khi ly hôn bà NTT trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung NNKD, sinh ngày 05/3/2015, ông NVĐ trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung NKL, sinh ngày 27/6/2007, không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về lệ phí Tòa án: Ông NVĐ và bà NTT phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào tiền tạm ứng lệ phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002039 ngày 11 tháng 3 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Thuận An;
- Chi cục THADS thành phố Thuận An;
- UBND xã Nghĩa Khánh, huyện Nghĩa Đàn, tỉnh Nghệ An (theo giấy chứng nhận kết hôn số 07 ngày 03/02/2006);
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Vũ Thị Nhâm

